

Số: /PGDDT

Tân Châu, ngày tháng 5 năm 2024

V/v đánh giá mức độ chuyển đổi số của
cơ sở giáo dục phổ thông.

Kính gửi:

Hiệu trưởng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở.

Thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; thực hiện Công văn số 2401/SGDDT-KT, ngày 22/5/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thực hiện nội dung sau:

- Tham khảo kết quả đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục tính đến tháng 10 năm 2023 theo địa chỉ sau: <https://bit.ly/kqcds-2023>
- Tiếp tục thực hiện kiểm tra, đánh giá theo bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2023 – 2024 (*Bộ chỉ số kèm theo*).
- Nhập điểm, đánh giá mức độ, tổng hợp minh chứng từng tiêu chí tương ứng và **gửi báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo** trước ngày **07/6/2024** theo địa chỉ sau:

Cách 1: <https://bit.ly/cds2024sgd>

Cách 2: Quét mã QR đánh giá chuyển đổi số



Ghi chú:

- **Số liệu và minh chứng** từng tiêu chí tính đến ngày **31/5/2024**.
- Đơn vị nhập **giá trị số** đánh giá chuyển đổi số tương ứng theo điểm từng tiêu chí và mức độ (*nếu đơn vị chưa triển khai thực hiện thì nhập giá trị 0*).

- **Đại diện lãnh đạo đơn vị** là người thực hiện báo cáo (*do kết quả đánh giá chuyển đổi số sẽ được công bố trực tiếp trên cổng thông tin điện tử của Sở, UBND tỉnh Tây Ninh*).

Đề nghị các đơn vị tham gia vào group Zalo “Đánh giá mức độ CDS” (theo mã QR Code hình bên dưới) để kịp thời nắm bắt thông tin và trao đổi khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đánh giá.



Mã QR tham gia nhóm Zalo “Đánh giá mức độ CDS”

Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện những nội dung nêu trên theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TP và P.TP;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG PHÒNG

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	30	<i>Tối đa 6 điểm</i> <i>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 -20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Đường link
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Đường link và số lượng học liệu

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
			- Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm		
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm	Mức độ 3: trên 14 điểm	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	Mức độ 3: trên 14 điểm	

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		<i>Tối đa 5 điểm</i>		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):	70	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm</i>		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		<i>Tối đa 10 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
2.4.	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	30	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm	Đường link/
	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà		<i>Tối đa 8 điểm</i>		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)			Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Quy chế/ Văn bản
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		<i>Tối đa 12 điểm</i>		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm</i>		